

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**
Bản án số:89/2021/HSST
Ngày 29 - 7 - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hân - Ông Nguyễn Hữu Tường.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Ông Luyện Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/HSST, ngày 24 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:88/2021/QĐXXST-HS ngày 16/7/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Thị O(Tên gọi khác: không); Giới tính: nữ; Sinh ngày 19/8/1988 tại xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: xóm 9, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 9/12; Họ tên cha: Bùi Văn Y (đã chết); Họ tên mẹ: Trần Thị H, sinh năm 1962; Anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ nhất; Chồng: Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; Con: có 04 con, lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An.(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Phạm Thị Th(Tên gọi khác: không); Giới tính: nữ; Sinh ngày 07/7/1982, tại thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: khối 3 thị trấn Yh, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha:Phạm Xuân L, sinh năm 1951; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1958;Anh chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ hai; Chồng: Nguyễn Xuân L, sinh năm 1981; Con: có 01 con 10 tuổi; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An.(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**

- Anh Nguyễn Phúc L, sinh năm 1978; Trú tại: khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1959; Trú tại: xóm 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt);

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại ông Nguyễn Công H:** Ông Hoàng Trọng Đ - Nghề nghiệp luật sư; Công tác tại: Văn phòng luật sư TĐ và Cs, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; Địa chỉ: số 26, Chung cư T, phường VT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

***Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Đình B - sinh năm 1982; Trú tại: khối 4, phường Q, TP V, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

- Chị Phan Thị Quỳnh A - sinh năm 1986;Trú tại: xóm 1, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

- Chị Thái Thị T - sinh năm 1972; Trú tại: xóm T, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1982;Trú tại: xóm 9, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1979; Trú tại: xóm 9, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Bùi Thị O và bị cáo Phạm Thị Th bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 9/2018, Bùi Thị O đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của anh Nguyễn Phúc L và cùng với Phạm Thị Th - lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền) của ông Nguyễn Công H với thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối về việc đảo khế tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) để bị hại tin tưởng đưa tiền cho O và T, sau đó chiếm đoạt một phần số tiền này, cụ thể như sau:

Hành vi thứ nhất: Thông qua anh Nguyễn Đình B là cán bộ Ngân hàng BIDV PD, huyện D, Bùi Thị O có được số điện thoại của anh Nguyễn Phúc L, là người cho vay tiền đảo khế (khi khách hàng có nhu cầu vay tiền để thanh toán hợp đồng vay vốn và thực hiện một hợp đồng vay mới tại ngân hàng). Ngày 05/6/2018, O gọi điện cho anh L nói dối rằng có chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, trú tại xóm 9, xã H, huyện Y đang vay 550.000.000 đồng tại Agribank Y đến hạn đảo khế và chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979, trú tại xóm 9, xã H, huyện Y cũng đang vay vốn tại Agribank Y với số tiền 800.000.000 đồng đến hạn đảo khế, đồng thời đặt vấn đề để anh L cho hai người này vay tiền đảo khế. Thực tế, chị H có 01 khế vay 130.000.000 đồng tại ngân hàng nhưng chưa đến hạn đảo khế, chị H1 không có khế vay tại ngân hàng. Do tin tưởng O nên anh L đồng ý. Trước đó, Bùi Thị O đã hứa hẹn với chị H1 là nếu giúp O vay được tiền thì O sẽ sử dụng số tiền đó để đầu tư làm ăn kiếm tiền trả nợ cho chị H do O đang nợ chị H 550.000.000 đồng, đồng thời O cũng hứa hẹn với chị H1 là nếu giúp O vay được tiền thì sẽ trả nợ cho chị H1 từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng do O đang nợ chị H1 3

tỷ đồng. Sau khi nghe O hứa hẹn như vậy, chị H và chị H1 đồng ý giúp O nói dối để anh Nguyễn Phúc L cho O vay tiền.

Vào khoảng 14 giờ ngày 06/6/2018, Bùi Thị O đã nhờ chị Nguyễn Thị H cùng đi đến ngân hàng Agribank Y để nhờ Phạm Thị Th - là cán bộ tín dụng của Agribank Y - phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng chị H mà ngân hàng đang giữ, do vợ chồng chị H đang vay ngân hàng 130.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, ông Nguyễn Phúc L cùng vợ là chị Hồ Thị Lan D và anh Nguyễn Đình B đi đến gặp O và chị H tại quán cà phê đối diện Agribank Y. Sau khi xem xét giấy tờ do chị H cung cấp thì ông L yêu cầu chị H cung cấp số điện thoại của Phạm Thị Th để ông L xác minh khoản vay của chị H trong ngân hàng. Sau khi nói chuyện qua điện thoại với một người phụ nữ tên T và được xác nhận rằng chị H có vay 500.000.000 đồng tại Agribank Y thì ông L đồng ý cho chị H vay tiền. Sau đó, chị Hồ Thị Lan D cầm số tiền 550.000.000 đồng vào quầy giao dịch của Ngân hàng để gặp T. T nhận tiền qua vòm kính của quầy giao dịch và đếm tiền trước sự chứng kiến của O, chị H và chị D. Sau đó T nói mọi người ra về. Sau khi chờ ông L, chị D và anh B ra về thì O và chị H quay lại gặp T. Tại đây, T đã đưa số tiền 550.000.000 đồng cho chị H, rồi chị H đưa lại cho O. Sau đó O và chị H ra về. Theo Bùi Thị O khai nhận: khi đến xã D, huyện D thì O xuống xe và một mình đi lên Ngân hàng gặp T. O lấy 100.000.000 đồng để trả nợ, T lấy 50.000.000 đồng tiền công, còn 400.000.000 đồng T tạm giữ để sau này trả lại cho ông L nhằm tạo niềm tin cho ông L, để ông L tiếp tục cho vay tiền.

Vào sáng ngày 07/6/2018, ông Nguyễn Phúc L và chị Hồ Thị Lan D tiếp tục đến quán cà phê đối diện ngân hàng Agribank Y gặp Bùi Thị O và chị Nguyễn Thị H1 để làm đảo khế cho chị H1. Sau khi kiểm tra các loại giấy tờ của gia đình chị H1 thì ông L đồng ý cho vay tiền, đồng thời yêu cầu chị H1 viết giấy vay nợ. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, chị Hồ Thị Lan D cầm số tiền 800.000.000 đồng và ông Nguyễn Phúc L đi cùng Bùi Thị O và chị Nguyễn Thị H1 vào phòng làm việc của Phạm Thị Th tại Agribank Y. Khi gặp Phạm Thị T, Bùi Thị O giới thiệu với chị D, Phạm Thị Th là cán bộ ngân hàng làm hồ sơ cho chị H1 vay vốn; giới thiệu với Phạm Thị T, chị D là người mang tiền đến để làm đảo khế cho chị H1. Quá trình O giới thiệu thì chị D và chị H đều nghe rõ. Sau đó, chị D đưa tiền cho T đếm được 800.000.000 đồng trước sự chứng kiến của mọi người. Sau khi đếm tiền xong, T ký nhận vào giấy nộp tiền và đưa cho chị D rồi mọi người ra về. Khi vợ chồng anh L đang trên đường về thì T gọi điện cho chị D quay lại gặp T để lấy lại số tiền 800.000.000 đồng.

Khoảng 3 đến 5 ngày sau khi cho chị Nguyễn Thị H vay tiền để đảo khế, anh L yêu cầu chị H trả số tiền 550.000.000 đồng thì chị H nói đã đưa toàn bộ số tiền này cho Bùi Thị O. Khi đó, do anh Lai nghi ngờ không có việc đảo khế nên đã trực tiếp đến Agribank Y để xác minh thì được biết chị H chỉ vay vốn tại Agribank Y số tiền 130.000.000 đồng. Sau đó, anh L yêu cầu Bùi Thị O trả lại số tiền 550.000.000 đồng thì O nói không có trả và xin trả dần. Quá trình anh L yêu cầu chị H và O trả tiền thì theo lời khai của O, O cũng nói lại việc này cho Phạm Thị Th biết và T cũng thống nhất với O là sẽ trả dần cho anh L để kéo dài thời gian. Sau đó, O đã trả cho anh L nhiều lần với tổng số tiền 260.000.000 đồng; T chuyển tiền vào tài khoản của chị Hồ Thị Lan D để trả

cho anh L 10 lần với tổng số tiền 249.000.000 đồng nhưng T khai số tiền này là do O đưa cho T và nhờ chuyển qua tài khoản cho chị D để trả nợ anh L. Tổng số tiền O đã trả cho anh L là 509.000.000 đồng nhưng anh L cho O 1.000.000 đồng. Như vậy, số tiền O chiếm đoạt của anh L là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Đối với hành vi này, căn cứ lời khai của Bùi Thị O là phù hợp với lời khai của anh L, chị Hồ Thị Lan D, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Đình B đủ cơ sở xác định Bùi Thị O có hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc đảo khế (thực tế không có hoạt động đảo khế) làm cho ông Nguyễn Phúc L tin vào thông tin gian dối để chuyển tiền cho Bùi Thị O. Tổng số tiền mà Bùi Thị O chiếm đoạt của anh L là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Đối với Phạm Thị T: tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị Th không thừa nhận việc đã bàn bạc, trao đổi với O để chiếm đoạt tiền của anh Lai như O đã khai trước đó; T thừa nhận có nhận từ chị H số tiền hơn 500.000.000 đồng, trong đó 130.000.000 đồng chị H tất toán khoản tiền vay tại ngân hàng, số còn lại chị H gửi tiết kiệm. Khi T đang đếm tiền thì chị H đã cầm số tiền trên đi đâu thì T không rõ. Phạm Thị Th cũng không thừa nhận việc lấy 50.000.000 đồng tiền công và 400.000.000 đồng T tạm giữ để trả cho anh L như Bùi Thị O đã khai.

Ngoài lời khai của Bùi Thị O thì không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh giữa O và T có trao đổi, bàn bạc về việc cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Lai, bên cạnh đó, không đủ tài liệu xác định T chiếm đoạt tiền của anh Lai trong trường hợp này. Do đó chưa đủ căn cứ để xác định T đồng phạm với O trong việc chiếm đoạt tiền của anh Lai.

Hành vi thứ hai: Vào khoảng đầu tháng 8 (không xác định được ngày cụ thể) năm 2018, Phạm Thị Th có gọi điện thoại cho chị Thái Thị T, sinh năm 1972, trú tại xóm Tân Xuân, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành (chị Tuyết và T quen biết nhau khoảng 10 năm) đặt vấn đề vay tiền đảo khế cho Bùi Thị O và nói dối chị Tuyết là O đang vay vốn tại Agribank Yên Thành số tiền 350.000.000 đồng đã đến hạn đảo khế, hồ sơ này do T phụ trách, sau đó T cho O số điện thoại của chị Tuyết để O chủ động liên hệ. Vào một ngày trong tháng 8/2018, O gọi điện thoại cho chị Thái Thị T, đặt vấn đề vay tiền đảo khế vay tiền tại ngân hàng. Bùi Thị O nói dối là mình đang vay vốn tại Agribank Yên Thành số tiền 350.000.000 đồng đã đến hạn đảo khế, đồng thời đặt vấn đề vay tiền chị Tuyết để đảo khế. Do không có tiền cho vay, chị Tuyết giới thiệu ông Nguyễn Công H cho O. Sau khi gặp gỡ, trao đổi tại nhà O cũng như qua điện thoại, O cũng nói dối ông Hải về việc vay số tiền 350.000.000 đồng để đảo khế ngân hàng, ông Hải tin lời O nên đồng ý cho O vay số tiền 350.000.000 đồng để đảo khế. Sau đó, O viết giấy vay tiền rồi cùng chị Tuyết và ông Hải đi vào phòng làm việc của Phạm Thị Th tại ngân hàng. Khi gặp Phạm Thị T, O giới thiệu cho ông Hải biết T là cán bộ ngân hàng làm hồ sơ cho O vay vốn, ông Hải cũng nói với T là đến ngân hàng để làm đảo khế cho O. Sau đó, ông Hải đưa cho T số tiền 350.000.000 đồng để T làm đảo khế cho O. Sau khi T nhận tiền và đếm tiền xong thì ông Hải có hỏi T “khế này khi nào thì giải ngân được em?”, T trả lời “khoảng 3 đến 5 ngày thì giải ngân được”. Quá trình ông Hải và T giao tiền và nói chuyện với nhau thì O và chị Tuyết cũng đều chứng kiến và nghe rõ. Sau khi nghe T nói

vậy, ông Hải yên tâm và nghĩ rằng có việc đảo khế thật nên ông Hải và chị Tuyết ra về, khi đi ra đến sảnh ngân hàng thì O chạy theo sau đưa cho chị Tuyết 20.000.000 đồng tiền công. Sau đó, chị Tuyết đưa số tiền này cho ông Hải, ông Hải lấy 12.000.000 đồng và đưa cho chị Tuyết 8.000.000 đồng.

Khoảng 5 ngày sau, O mang theo số tiền 350.000.000 đồng trả cho ông Hải nhằm tạo niềm tin để tiếp tục đặt vấn đề để ông Hải cho vay tiền đảo khế. Sau đó, O nói với ông Hải là sẽ gặp trực tiếp Phạm Thị Th để bàn bạc về việc làm đảo khế cho khách hàng của T tại Ngân hàng Agribank Yên Thành thì ông Hải đồng ý. Vào khoảng 16 giờ (không rõ ngày cụ thể) giữa tháng 8 năm 2018, ông Hải cùng với O và Phạm Thị Th gặp nhau tại quán cà phê Lá Cọ thuộc địa phận khối 3, thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành để bàn bạc về việc làm đảo khế. Tại đây, T xác nhận thông tin do O đưa ra là tại Agribank Yên Thành có nhiều khách hàng của T có nhu cầu đảo khế, đồng thời nói ông Hải cứ làm việc với O, thủ tục trong ngân hàng đã có T lo. Do có sự xác nhận của T nên ông Hải nghĩ rằng O và T cùng nhau làm đảo khế cho khách hàng và những thông tin về khế vay của khách hàng do T cung cấp để O nói với ông Hải là có thật. Do đó, những lần sau này, O gọi điện thoại cho ông Hải và đưa ra các thông tin đảo khế giả (trên thực tế hoàn toàn không có khách hàng vay vốn cũng như không có việc đảo khế) thì ông Hải tin và chuyển tiền vào tài khoản của T. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/8/2018 đến ngày 05/9/2018, ông Nguyễn Công H đã 6 lần chuyển tiền vào tài khoản số 3606207000811 của Phạm Thị Th mở tại Agribank Yên Thành với tổng số tiền là 1.675.000.000 đồng (Một tỷ, sáu trăm bảy mươi lăm triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 22/8/2018 chuyển 115.000.000 đồng cho Phạm Thị Th từ tài khoản 3606205054847 ngân hàng Agribank của ông Nguyễn Công H thông qua hoạt động ủy nhiệm chi tại ngân hàng Agribank Yên Thành;

- Ngày 23/8/2018, tại Ngân hàng Agribank Yên Thành ông Nguyễn Công H nộp tiền mặt vào tài khoản của Phạm Thị Th số tiền 340.000.000 đồng.

- Ngày 24/8/2018, chuyển 190.000.000 đồng từ tài khoản 3606205054847 ngân hàng Agribank của ông Nguyễn Công H thông qua hoạt động ủy nhiệm chi tại ngân hàng Agribank Yên Thành cho Phạm Thị T ;

- Ngày 27/8/2018, tại Ngân hàng Agribank Yên Thành ông Nguyễn Công H nộp tiền mặt vào tài khoản của Phạm Thị Th số tiền 310.000.000 đồng.

- Ngày 30/8/2018, tại Ngân hàng VietinBank Yên Thành ông Nguyễn Công H nộp tiền mặt vào tài khoản của Phạm Thị Th số tiền 370.000.000 đồng.

- Ngày 05/9/2018 tại Ngân hàng VietinBank Yên Thành ông Nguyễn Công H nộp tiền mặt vào tài khoản của Phạm Thị Th số tiền 370.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, O khai nhận số tiền 1.675.000.000 đồng mà ông Hải chuyển vào tài khoản của Phạm Thị T, T đã đưa cho O 560.000.000 đồng để trả cho ông Nguyễn Công Hải; Bùi Thị O chiếm đoạt 210.000.000 đồng, còn 905.000.000 đồng T đang giữ và T có trả lại cho ông Hải hay không thì O không biết. Cụ thể:

- + Ngày 22/8/2018 sau khi nhận được số tiền 115.000.000 đồng từ ông Hải, T lấy 10.000.000 đồng, đưa cho O 10.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ để xoay vòng tiền trả cho ông Hải.

+ Ngày 23/8/2018 sau khi nhận được số tiền 340.000.000 đồng từ ông Hải, T lấy 50.000.000 đồng, đưa cho O 50.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ để xoay vòng tiền trả cho ông Hải;

+ Ngày 24/8/2018 sau khi nhận được số tiền 190.000.000 đồng từ ông Hải, T giữ lại toàn bộ số tiền để xoay vòng tiền trả cho ông Hải (lần này không lấy tiền chia nhau);

+ Ngày 27/8/2018 sau khi nhận được số tiền 310.000.000 đồng từ ông Hải, T lấy 50.000.000 đồng, đưa cho O 50.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ để xoay vòng tiền trả cho ông Hải;

+ Ngày 30/8/2018 sau khi nhận được số tiền 370.000.000 đồng từ ông Hải, T lấy 50.000.000 đồng, đưa cho O 50.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ để xoay vòng tiền trả cho ông Hải;

+ Ngày 05/9/2018 sau khi nhận được số tiền 350.000.000 đồng từ ông Hải, T lấy 50.000.000 đồng, đưa cho O 50.000.000 đồng, số tiền còn lại T giữ để xoay vòng tiền trả cho ông Hải.

Tổng số tiền mà Bùi Thị O được Phạm Thị Th chia cho là 210.000.000 đồng, ngoài ra T còn đưa cho O 560.000.000 đồng để O trả cho ông Hải.

Ông Nguyễn Công H khai nhận: Ông đã chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Th 06 lần với tổng số tiền 1.675.000 đồng, để O và T làm đảo khế ngân hàng, trong đó, O đã trả cho ông 560.000.000 đồng, T không trả tiền cho ông; ngoài ra ông Hải cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra mảnh giấy ghi chép phản ánh một số nội dung liên quan đến việc chuyển tiền, trả tiền của Bùi Thị O, phù hợp với lời khai của Bùi Thị O và Nguyễn Công Hải.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị Th không thừa nhận T đã gặp gỡ và bàn bạc với O việc tìm người cho vay tiền đảo khế, không thừa nhận việc gọi điện cho chị Thái Thị T để đặt vấn đề vay tiền đảo khế cho O, T cũng không thừa nhận việc nhận 350.000.000 đồng của ông Nguyễn Công H và việc gặp ông Hải cùng với O tại quán cà phê Lá Cọ để bàn bạc việc đảo khế; không thừa nhận việc ông Hải chuyển tiền vào tài khoản của T là để làm đảo khế như lời khai của ông Hải và O mà khai rằng: ông Hải là người nhà của O ở miền nam chuyển tiền về cho O thông qua tài khoản của T (O mượn tài khoản của T để nhận tiền), sau đó T đã rút ra hộ và đưa đầy đủ cho O nhưng khi đưa tiền không viết giấy tờ cũng như không có người chứng kiến. Đối với tờ giấy nhận tiền do O ký vào ngày 03/5/2019, sau khi thấy ông H nhắn tin cho T đòi nợ thì T đã gọi điện thoại cho O, O đồng ý viết giấy đã nhận tiền cho T. T và O đã gặp nhau tại UBND xã N vào khoảng 16 giờ ngày 03/5/2019, do O không biết chữ nên T đã viết nội dung giấy nhận tiền, O xem xong nội dung và ký vào giấy nhận tiền.

Ngày 22/7/2019, T cung cấp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Yên Thành một giấy giao tiền do T viết ngày 03/5/2019, trong đó thể hiện nội dung T đã đưa cho O số tiền 1.485.000.000 đồng là tiền ông H đã chuyển vào tài khoản của T có chữ ký "O" và chữ viết "Bùi Thị O" ghi ở mục người nhận tiền trong tờ giấy. Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An kết luận chữ ký "O" và chữ viết "Bùi Thị O" trên tờ giấy giao tiền mà T viết ngày 03/5/2019 là do O viết ra. Căn cứ vào bản sao kê tài khoản của T xác định vào ngày 24/8/2018, ông H chuyển

vào tài khoản của T số tiền 190.000.000 đồng. Tuy nhiên trong tờ giấy mà T cung cấp không có nội dung T đã đưa số tiền 190.000.000 đồng này cho O. Quá trình điều tra T khai nhận do kê khai sót thôi chứ thực tế T đã đưa số tiền này cho O rồi. Tuy nhiên trong quá trình điều tra thì ngày 29/5/2020 T đã tác động với gia đình cụ thể là chồng của T anh Nguyễn Xuân L giao nộp số tiền này thay T nộp làm 2 đợt: Đợt 1 là 5.000.000 đồng. Đợt 2 là 185.000.000 đồng. Như vậy số tiền 190.000.000 đồng nêu trên T đã khắc phục đầy đủ.

Bùi Thị O không thừa nhận đã ký vào tờ giấy với nội dung đã nhận số tiền 1.485.000.000 đồng như T đã khai. O khai có ký vào 08 tờ giấy trắng mà T đưa cho O tại UBND xã Nhân Thành. Lúc đó, T nói O ký vào để T làm giả hồ sơ vay vốn mang tên Bùi Thị O để tiếp tục đi lừa người khác cho vay đảo khế.

Tại Cơ quan điều tra, O khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của O phù hợp với lời khai của ông Hải, chị Tuyết, phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác thu thập được. Đủ căn cứ xác định Bùi Thị O phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do O đã đưa ra thông tin gian dối về việc đảo khế tại Ngân hàng Agribank Yên Thành để lừa dối làm ông H tin tưởng chuyển khoản tiền cho T, sau đó O chiếm đoạt một phần tiền trong số tiền đó. Bùi Thị O thừa nhận được Phạm Thị Th chia cho O 210.000.000 đồng để trả nợ và chi tiêu trong gia đình, ngoài ra T còn đưa cho O 560.000.000 đồng để trả cho ông Hải.

Mặc dù Phạm Thị Th không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng căn cứ vào lời khai của O, ông Hải, chị Tuyết, lời khai của chị Phan Thị Quỳnh Anh - cán bộ Agribank Yên Thành và các tài liệu liên quan đến trích sao tài khoản, giấy nộp tiền từ ngân hàng, đã có đủ căn cứ xác định Phạm Thị Th đã giúp Bùi Thị O đưa ra thông tin gian dối để ông H tin tưởng đưa tiền cho T cũng như chuyển tiền vào tài khoản của T. Thủ đoạn gian dối của T được thể hiện qua những nội dung sau:

- Phạm Thị Th xác nhận với ông H rằng O có vay vốn tại Agribank Yên Thành số tiền 350.000.000 đồng đến hạn đảo khế, đồng thời sau khi nhận của ông H số tiền 350.000.000 đồng trước sự chứng kiến của O và chị Tuyết thì T nói với ông H là “sau 3 đến 5 ngày sẽ giải ngân” khế của O. Trên thực tế cũng như theo lời khai của T, T biết rõ O không vay vốn tại Agribank Y.

- Tại quán cà phê LC, thuộc khối 3, thị trấn Y, huyện Y, Phạm Thị Th đã trực tiếp xác nhận thông tin do O đưa ra với ông H có nội dung “Bùi Thị O và Phạm Thị Th có kết hợp làm đảo khế với nhau” trước sự chứng kiến của O và ông H. Từ đó, ông H tin tưởng hoàn toàn vì đã có T, cán bộ ngân hàng Agribank trực tiếp xác nhận nên gửi tiền vào tài khoản của T.

- Căn cứ bản sao kê tài khoản của T xác định ngày 24/8/2018, ông H chuyển vào tài khoản của T số tiền 190.000.000 đồng. Theo T khai đã đưa số tiền này cho O rồi và cũng đã ký nhận vào tờ giấy giao tiền do T viết ngày 03/5/2019. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định trong tờ giấy giao tiền do T viết ngày 03/5/2019 không có nội dung T đã đưa số tiền 190.000.000 đồng này cho O, nhưng O không thừa nhận việc này. Như vậy có căn cứ xác định Phạm Thị Th đã chiếm đoạt số tiền 190.000.000 đồng của ông Hải. Mặc dù T khẳng định đã đưa số tiền 190.000.000 đồng cho O nhưng không có tài liệu chứng minh nên trong quá trình điều tra, T đã tác động đến gia đình khắc phục hậu

quả cụ thể là chồng của T anh Nguyễn Xuân Long, anh Long đã nộp thay cho T số tiền 190.000.000đồng đầy đủ.

Từ những tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định Phạm Thị Th đồng phạm với Bùi Thị O trong việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Công H số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) trong đó T chiếm đoạt 190.000.000 đồng, O chiếm đoạt 210.000.000 đồng.

*Vật chứng thu giữ: 02 tờ giấy A4, trong đó có chữ viết đề ngày 12/4/2019 và ngày 03/5/2019 do Phạm Thị Th giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Thành; 02 (Hai) bản hợp đồng (Bản phô tô) do ông Nguyễn Công H giao nộp; Chứng từ nộp tiền vào tài khoản của Phạm Thị Th do ông Nguyễn Công H giao nộp; Trích sao biến động tài khoản ngân hàng của Phạm Thị Th mở tại ngân hàng Agribank Y; Sổ tay cá nhân ghi chép thông tin số tiền nộp, số tiền trả do ông Nguyễn Công H giao nộp; Giấy cập nhật thời gian, số tiền Bùi Thị O trả cho Nguyễn Phúc L do anh Nguyễn Phúc L giao nộp.

Tại bản cáo trạng số: 39/VKS - HS, ngày 23/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành đã truy tố Bùi Thị O và Phạm Thị Th về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54; Điều 58 của BLHS xử phạt bị cáo Bùi Thị O từ 3 năm 6 tháng tù đến 04 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của BLHS xử phạt bị cáo Phạm Thị Th từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

- **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- **Về xử lý vật chứng:** Tiếp tục lưu các tài liệu đã thu giữ của ông Nguyễn Công Hải, ông Nguyễn Phúc L và bị cáo Phạm Thị Th giao nộp theo hồ sơ vụ án.

Trả lại cho Phạm Thị Th 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen có số Imei 1:359032 (04) 251982 17; Imei 2: 359032 (04) 25198315 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen có số Imei 013619000541898 có số sim 0983211475 đã sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu trắng bên trong có chứa số điện 0979252399 có số Ime 356764083146572 đã qua sử dụng; 01 trái phiếu Ngân hàng mang tên Phạm Thị T ; 07 sổ tiết kiệm gửi tiền ngân hàng mang tên Phạm Thị Th hiện nay đang được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của BLDS.

Buộc bị cáo Bùi Thị O phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Phúc L số tiền 40.000.000 đồng và ông Nguyễn Công H 210.000.000 đồng (Bị cáo O đã tác động người thân nộp tiền khắc phục hậu quả cho ông H 20.000.000 đ tại Chi cục thi hành án dân sự), nay cần buộc bị cáo O phải bồi thường số tiền còn lại cho ông H là 190.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thị Th đã nộp số tiền khắc phục hậu quả đầy đủ cho ông H tại Chi cục thi hành án dân sự, nên không buộc bồi bị cáo thường nữa.

Số tiền 715.000.000 đồng còn lại của ông Nguyễn Công H, quá trình điều tra, truy tố, xét xử chưa có đủ cơ sở chứng minh Bùi Thị O và Phạm Thị Th có hành vi lừa đảo chiếm đoạt đối với số tiền này. Ông H có quyền làm đơn yêu cầu khởi kiện bằng vụ án dân sự tại Tòa án.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại không tranh luận gì với bản luận tội của đại diện viên kiểm sát, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hành phạt.

Ông Hoàng Đức Đồng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại ông Nguyễn Công H trình bày lời tranh luận và cho rằng hai bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông H số tiền 1.675.000.000 đồng, tội phạm đã hoàn thành, số tiền các bị cáo trả lại, khắc phục hậu quả cho ông H là tình tiết giảm nhẹ, nên phải truy tố, xét xử các bị cáo theo qui định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS và buộc các bị cáo bồi thường cho ông H số tiền 1.115.000.000 đ mới đúng. Thẩm quyền xét xử qui định tại khoản 4, điều 174 của BLHS thuộc Tòa án cấp tỉnh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra quyết định trả hồ sơ để truy tố xét xử các bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS.

Đại diện viên kiểm sát tranh luận và cho rằng việc đánh giá chứng cứ để chứng minh số tiền các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại rất khó khăn phức tạp. Vụ án đã xét xử sơ thẩm một lần, sau khi có kháng cáo của bị cáo, người bị hại. Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng phải truy tố các bị cáo tại khoản 4 Điều 174 của BLHS mới đúng. Sau vụ án bị hủy, viện kiểm sát đã trả hồ sơ cho cơ quan điều tra để tiếp điều tra. Quá trình điều tra tiếp theo chỉ chứng minh được bị cáo Bùi Thị O chiếm đoạt của ông Nguyễn Phúc L số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo O và Phạm Thị Th chiếm đoạt của ông Nguyễn Công H số tiền 400.000.000 đồng. Do vậy chỉ có cơ sở truy tố, xét xử các bị cáo theo qui định tại khoản 3 Điều 174 BLHS, buộc các bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt 400.000.000 đồng là đúng qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ buộc tội: Vào khoảng 15 giờ ngày 06/6/2018, tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Yên Thành, Bùi Thị O đã đưa ra thông tin gian dối về việc có người cần vay tiền để đảo khế tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh huyện Y, tỉnh Nghệ An sau đó nhận tiền của bị hại, dùng số tiền đó trả dần cho bị

hại và giữ lại một phần để chiếm đoạt tiền của họ. Bằng thủ đoạn này, Bùi Thị O đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) của ông Nguyễn Phúc L, sinh năm 1978 trú khối Y, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Với thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 22/8/2018 đến ngày 05/9/2018, Bùi Thị O đã cùng với Phạm Thị Th là cán bộ tín dụng của Agribank Y, đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) của ông Nguyễn Công H, sinh năm 1959, trú xóm 1 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Quá trình điều tra xác định được Bùi Thị O chiếm đoạt 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng), Phạm Thị Th chiếm đoạt 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Thị O tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các nhân chứng, bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập. Lời khai của bị cáo Phạm Thị Th tại phiên tòa tuy khác với lời khai mà bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra trước đây. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo T không thừa nhận có gặp gỡ bị cáo O, ông H tại quán cà phê Lá Cọ thuộc khối 3 Thị Trấn Yên Thành để bàn bạc về việc đảo kế ngân hàng, không thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền của ông H 190.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Với các chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như quá trình thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa thấy rằng Bùi Thị O, Phạm Thị Th phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Số tiền bị cáo O chiếm đoạt của ông L là 40.000.000 đồng, bị cáo O, bị cáo T chiếm đoạt của ông H số tiền 400.000.000 đồng. Do số tiền các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại trên 200.000.000 đồng, dưới 500.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An truy tố Bùi Thị O, Phạm Thị Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tranh luận và cho rằng các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của ông H số tiền 1.675.000.000 đồng, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để trả hồ sơ để điều tra bổ sung, chuyển thẩm quyền xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy rằng vụ án có tính chất rất phức tạp, việc xem xét đánh giá về chứng cứ, cũng như xác định số tiền các bị cáo bị chiếm của người bị hại rất khó khăn. Xuyên suốt quá trình điều tra ban đầu và quá trình điều tra lại (sau khi có quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung) và tại phiên tòa phiên tòa hôm nay, chỉ chứng minh được bị cáo Bùi Thị O lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Phúc L số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo Bùi Thị O, bị cáo Phạm Thị Th lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Công H số tiền 400.000.000 đồng, nên các bị cáo bị truy tố, xét xử theo khoản 3 Điều 174 BLHS là đúng. Không có cơ sở để trả hồ sơ để truy tố các bị cáo theo điểm a khoản 4 Điều 174 của BLHS như lời tranh luận, đề nghị của luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại tại phiên tòa.

[4] Đánh giá giá tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây và một vụ án thuộc loại án rất nghiêm trọng, các bị cáo đồng phạm với nhau về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Bùi Thị O, Phạm Thị Th thực

hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự tảo tợn, liều lĩnh xem thường pháp luật, gây tâm lý hoang mang cho người bị hại, gây bức xúc, bất bình cho quần chúng nhân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người bị hại được nhà nước, pháp luật bảo vệ, nên cần xử lý nghiêm với hình phạt nghiêm minh, tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Vụ án có hai bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, số lần tham gia thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo khác nhau nên cần phân hóa để xử lý cho phù hợp.

[5] Đối với bị cáo Bùi Thị O: Do nợ nần nhiều không có tiền để trả nợ, nên bị cáo đã lừa mình liên hệ cấu kết với Phạm Thị Th đưa ra thông tin gian dối về việc đảo khế tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) huyện Yên Thành với mục đích để bị hại tin tưởng đưa tiền cho O và T, sau đó chiếm đoạt một phần tiền của người bị hại. Với hành vi nêu trên bị cáo Bùi Thị O đã lừa vay của ông Nguyễn Phúc L số tiền 550.000.000 đồng, sau đó bị cáo chỉ trả cho ông Lai số tiền 510.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Lai số tiền 40.000.000 đồng. Cũng với hành vi đưa ra thông tin giả về việc đảo khế tại ngân hàng Bùi Thị O cùng với Phạm Thị Th đã lừa được ông Nguyễn Công H chuyển tiền vào tài khoản của Phạm Thị T, sau đó các bị cáo chỉ trả lại cho ông H một phần, chiếm đoạt của ông Nguyễn Công H 400.000.000 đồng.

Xét tính chất vụ án, những hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản do bị cáo Bùi Thị O thực hiện cần xử lý nghiêm minh, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là cần thiết.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị O thực hiện hai hành vi lừa đảo, trong đó một mình lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Phúc L số tiền 40.000.000 đồng, lần thứ hai cùng với Phạm Thị Th lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Công H số tiền 400.000.000 đồng, trong đó bị cáo O chiếm đoạt 210.000.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt số tiền 190.000.000 đồng. Bị cáo O phạm tội hai lần đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo O được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động với người thân khắc phục một phần thiệt hại do bị cáo gây ra; ngoài ra vào ngày 10/10/2017 bị cáo giúp Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nghệ An về việc điều tra phát hiện tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 BLHS.

Lẽ ra xử phạt bị cáo O ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Tuy nhiên xét thấy, sau khi trừ đi tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì bị cáo đang còn hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, nên xét thấy cần nhân đạo, khoan hồng, áp dụng Điều 54 của BLHS để xử dưới khung đối với bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Phạm Thị T : Là cán bộ tín dụng của ngân hàng, nên bị cáo hiểu và biết rằng không có người cần tiền đảo khế, nhưng bị cáo đã cùng với Bùi Thị O liên kết với nhau đã đưa ra thông tin sai sự thật là có việc đảo khế của khách hàng để người cho vay tiền đảo khế (bị hại) tin tưởng sau đó chuyển tiền vào tài khoản của T sau đó chiếm đoạt của họ một phần tiền là vi phạm qui tắc đạo đức nghề nghiệp và vi phạm pháp luật. Tuy nhận thức được như vậy, nhưng chỉ vì lợi ích cá nhân bị cáo đã xem thường pháp luật đã cùng với bị cáo O lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Công H số

tiền 400.000.000 đồng, trong đó bị cáo O chiếm đoạt 210.000.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt 190.000.000 đồng. Xét hành vi phạm tội mà bị cáo Phạm Thị Th thực hiện là gây dư luận xấu, ảnh hưởng đến uy tín hoạt động của ngân hàng, xâm phạm đến quyền về tài sản của người bị hại được pháp luật nhà nước bảo vệ. Do vậy phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo là rất cần thiết.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phạm Thị Th không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai không trung thực, mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng, người bị hại, bị cáo cho rằng mình bị khởi tố, truy tố oan. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình gây ra là vi phạm pháp luật phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải với hành vi phạm tội mình, nên trước lúc xét xử bị cáo đã tác động chồng của mình khắc phục toàn bộ số tiền mình chiếm đoạt của người bị hại; bố của bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba. Những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do bị cáo được nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, nên cũng cần khoan hồng, áp dụng nguyên tắc nhân đạo pháp luật và qui định tại Điều 54 BLHS để xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo với mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là đủ nghiêm.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo Bùi Thị O và Phạm Thị Th khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đối với chị Thái Thị T: Là người đã giới thiệu ông Nguyễn Công H cho Bùi Thị O để O vay tiền của ông H để O nói dối ông H vay tiền làm thủ tục đảo khế ngân hàng. Tuy nhiên do chị Tuyết không biết việc Bùi Thị O và Phạm Thị Th đưa ra thông tin đảo khế giả để ông Nguyễn Công H đưa cho T số tiền 350.000.000 đồng và chị Tuyết không có mục đích chiếm đoạt tiền của ông H nên Cơ quan CSĐT không xử lý hình sự đối với chị Thái Thị T là có căn cứ.

[9] Đối với chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị H1: Đã có hành vi nói dối ông L về việc mình đang vay vốn tại ngân hàng Agribank Yên Thành đến hạn đảo khế và có nhu cầu đảo khế để ông Lai tin tưởng cho vay tiền. Chị Hương, chị H1 không có mục đích chiếm đoạt tiền của ông Lai, cũng không nhận thức được hành vi chiếm đoạt của Bùi Thị O nên Cơ quan CSĐT không xử lý hình sự đối với chị H, chị H1 là đúng.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Phúc L yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị O bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Ông Nguyễn Công H yêu cầu Phạm Thị Th, Bùi Thị O bồi thường số tiền 1.115.000.000 đồng.

Xét thấy quá trình điều tra, tại phiên tòa đã chứng minh được Bùi Thị O chiếm đoạt của ông Nguyễn Phúc L số tiền 40.000.0000 đồng ông Lai yêu cầu Tòa án buộc bị cáo O trả lại cho ông số tiền này là đúng có cơ sở để chấp nhận.

Ông Nguyễn Công H yêu cầu bị cáo O, bị cáo T bồi thường số tiền 1.115.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ. Quá trình điều tra, tại phiên tòa chỉ chứng

minh và làm rõ được Bùi Thị O, Phạm Thị Th chiếm đoạt của ông H tổng số tiền 400.000.000 đồng, trong đó bị cáo O chiếm đoạt 210.000.000 đồng, bị cáo T chiếm đoạt 190.000.000 đồng, do vậy chỉ có cơ sở buộc các bị cáo bồi thường cho ông H số tiền đã chiếm đoạt.

Trong quá trình chuẩn bị xét bị cáo O đã tác động người thân giao nộp số tiền 20.000.000 đồng (Biên lai nộp tiền số 0003393 ngày 05/2/2021) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành để khắc phục hậu cho ông Hải. Ông H được quyền đến Chi cục thi hành án dân sự Yên Thành làm thủ tục để nhận số tiền 20.000.000 đồng do gia đình bị cáo giao nộp. Số tiền còn lại 190.000.000 đồng cần buộc bị cáo Bùi Thị O tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Công Hải.

Đối với số tiền 190.000.000 đồng do bị cáo T chiếm đoạt của ông Nguyễn Công H, quá trình điều tra bị cáo T đã tác động của mình giao nộp toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho ông Nguyễn Công H đầy đủ tại Chi cục thi hành án dân sự Yên Thành và Công an huyện Yên Thành (Sau đó Công an huyện Yên Thành đã nộp vào tài khoản của THADS Yên Thành), nên ông H được quyền đến Chi cục thi hành án dân sự Yên Thành làm các thủ tục để nhận số tiền 190.000.000 đ (*Đợt 1 nộp 5.000.000 đồng do anh Nguyễn Xuân L nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền số 0003283 ngày 29/5/2020; Đợt 2 anh Nguyễn Xuân L nộp tại Công an huyện Yên Thành 185.000.000 đồng, số tiền này sau đó được Nguyễn Văn Giáp cán bộ công an huyện Yên Thành nộp vào tài khoản số 39490104774600000 của chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành mở tại Kho bạc nhà nước huyện Yên Thành, Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/4/2021*)

Đối với số tiền 715.000.000 đồng còn lại, chưa có đủ cơ sở chứng minh Bùi Thị O và Phạm Thị Th lừa ông H chiếm đoạt đối với số tiền này. Ông H có quyền làm đơn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết tranh chấp bằng một vụ kiện dân sự.

[9] Xử lý các loại giấy tờ, tài liệu đã thu giữ: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: 02 tờ giấy A4, trong đó có chữ viết đề ngày 12/4/2019 và ngày 03/5/2019 do Phạm Thị Th giao nộp; 02 (Hai) bản hợp đồng (Bản phô tô) do ông Nguyễn Công H giao nộp; Chứng từ nộp tiền vào tài khoản của Phạm Thị Th do ông Nguyễn Công H giao nộp; Trích sao biến động tài khoản ngân hàng của Phạm Thị Th mở tại ngân hàng Agribank Yên Thành; Sổ tay cá nhân ghi chép thông tin số tiền nộp, số tiền trả do ông Nguyễn Công H giao nộp; Giấy cập nhật thời gian, số tiền Bùi Thị O trả cho Nguyễn Phúc L do anh Nguyễn Phúc L giao nộp. Xét thấy những tài liệu, giấy tờ nêu trên có liên quan đến vụ án, nên tiếp cần tục lưu bảo quản tại hồ sơ vụ án.

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ của Phạm Thị Th 03 chiếc điện thoại di động, 01 phiếu công trái (bản gốc), 07 sổ tiết kiệm(bản gốc) để phục vụ công tác điều tra (hiện nay đang được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án). Xét thấy 3 chiếc điện thoại là phương tiện sinh hoạt hàng ngày của bị cáo T, 01 phiếu công trái, 07 sổ tiết kiệm mang tên Phạm Thị Th là loại giấy tờ có giá trị không liên quan đến việc phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí: Bị cáo Bùi Thị O, bị cáo Phạm Thị Th phải nộp án phí hình sự, bị cáo Bùi Thị O phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị O 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn được tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo (Ngày 23/7/2019).

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Th 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo (ngày 25/7/2019).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của BLDS.

Buộc: Bị cáo Bùi Thị O phải có nghĩa bồi thường cho ông Nguyễn Công H số tiền còn lại là 190.000.000đ (Bằng chữ: *Một trăm chín mươi triệu đồng*) và bồi thường cho ông Nguyễn Phúc L số tiền 40.000.000 đ (Bằng chữ: *Bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Ông Nguyễn Công H được quyền đến Chi cục thi hành án dân sự Yên Thành, tỉnh Nghệ An làm các thủ tục để nhận số tiền 20.000.000đ (*Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng*) do chị Bùi Thị N em ruột bị cáo O giao nộp theo Biên lai nộp tiền số 0003393 ngày 05/2/2021 và số tiền 190.000.000đ (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu đồng*) do anh Nguyễn Xuân L chồng bị cáo Phạm Thị Th giao nộp 02 lần (*Lần thứ nhất nộp 5.000.000 đ tại chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền số 0003283 ngày 29/5/2020; Lần thứ hai nộp 185.000.000 đồng tại công an huyện Yên Thành, sau đó được ông Nguyễn Văn G công an huyện Yên Thành nộp vào tài khoản số 39490104774600000 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành mở tại kho bạc nhà nước huyện Yên Thành, thể hiện tại giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 14/4/2021*)

4. Về xử lý vật chứng, các tài liệu khác: Tiếp tục lưu hồ sơ toàn bộ các tài liệu sau đây:

- 02 tờ giấy A4, trong đó có chữ viết đề ngày 12/4/2019 và ngày 03/5/2019 do Phạm Thị Th giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Thành;

- 02 (Hai) bản hợp đồng (Bản phô tô) do ông Nguyễn Công H giao nộp;

- Chứng từ nộp tiền vào tài khoản của Phạm Thị Th do ông Nguyễn Công H giao nộp;

- Trích sao biến động tài khoản ngân hàng của Phạm Thị Th mở tại ngân hàng Agribank Yên Thành;

- Sổ tay cá nhân ghi chép thông tin số tiền nộp, số tiền trả do ông Nguyễn Công H giao nộp;

- Giấy cập nhật thời gian, số tiền Bùi Thị O trả cho Nguyễn Phúc L do anh Nguyễn Phúc L giao nộp.

Tuyên trả lại cho bị cáo Phạm Thị Th các tài sản và sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá trị sau đây:

- 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu đen có số Imei 1:359032 (04) 251982 17; Imei 2: 359032 (04) 25198315 (máy đã qua sử dụng).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen có số Imei 013619000541898 có số sim 0983211475 (máy đã sử dụng).

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu trắng bên trong có chứa số điện 0979252399 có số Ime 356764083146572 (máy đã qua sử dụng) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- 01 phiếu công trái do Ngân hàng AGRIBANK phát hành ngày 08/01/20019.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Phạm Thị Th số AC 00011814368, ngày phát hành ngày 28/9/2018.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Phạm Thị Th số AC 00005693380 ngày phát hành ngày 28/8/2017.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Phạm Thị Th số AC 000 13193376 ngày phát hành ngày 12/2/2019.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Phạm Thị Th số AC 00009102432 ngày phát hành ngày 06/4/2018.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Phạm Thị Th số AC 00010361582 ngày phát hành ngày 25/6/2018.

- Sổ tiết kiệm mang tên Phạm Thị Th số AA 00004809480 ngày phát hành ngày 27/4/2016.

- Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mang tên Phạm Thị Th số ID4253742 ngày phát hành ngày 23/02/2012.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc Bùi Thị O, Phạm Thị Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Bằng chữ: *Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Bùi Thị O phải nộp 11.500.000đ (Bằng chữ: *Mười một triệu, năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6.Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại ông Nguyễn Công H có mặt được quyền kháng cáo lên toà án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại anh Nguyễn Phúc L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND H. Yên Thành
- THADS Yên Thành
- THA hình sự;
- Bị cáo; Người bị hại.
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Công an H. Yên Thành;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc